

TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ
MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT
NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 91/2025/HNGĐ-PT
Ngày 17/7/2025
V/v Ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Thanh Minh.

Các Thẩm phán:

- Bà Lưu Thị Thuỷ Tiên
- Ông Phan Trịnh Minh Đức

- Thư ký phiên tòa: Bà Vũ Thư Thái Bình - Thư ký Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Lý - Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 7 năm 2025 tại Trụ sở Tòa Gia đình và Người chưa thành niên – Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 69/2025/TLPT-HNGĐ ngày 09 tháng 6 năm 2025 về “Ly hôn”.

Do Bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 454/2025/HNGĐ-ST ngày 28 tháng 04 năm 2025 của Tòa án nhân dân huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 2810/2025/QĐPT-HNGĐ ngày 30/6/2025, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Huỳnh Văn T, sinh năm 1979. (có mặt)

Căn cước công dân số: 080079000422, cấp ngày 10/02/2022

Thường trú: Số F H, tổ A, ấp B, xã T, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh. (nay là số F H, tổ A, ấp B, xã C, Thành phố Hồ Chí Minh)

Tạm trú: Số F H, ấp B, xã T, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh. (nay là số F H, tổ A, ấp B, xã C, Thành phố Hồ Chí Minh)

Bị đơn: Bà Trương Thị Ánh N, sinh năm 1975. (có mặt)

Căn cước công dân số: 079175005122, cấp ngày 12/01/2022

Thường trú: Số F H, tổ A, ấp B, xã T, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh. (nay là số F H, tổ A, ấp B, xã C Thành phố Hồ Chí Minh)

Tạm trú: 570A tỉnh lộ 8, ấp D, xã P, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh. (nay là 570A tỉnh lộ 8, ấp D, xã C, Thành phố Hồ Chí Minh)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn ông Huỳnh Văn T trình bày: Ông và bà Trương Thị Ánh N tìm hiểu thời gian khoảng vài tháng thì tự nguyện sống chung với nhau, không tổ chức cưới, đến năm 2009 thì đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh. Sau khi kết hôn hai vợ chồng sống tại 6 đường H, ấp B, xã T, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh, chung sống hạnh phúc đến năm 2020 thì xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân do làm ăn thua lỗ, mâu thuẫn về tài chính nên thường xuyên cãi vã. Ông nhận thấy mục đích hôn nhân không đạt được, tình cảm không còn, không thể hàn gắn được nên ông yêu cầu Tòa án giải quyết cho ông được ly hôn với bà Trương Thị Ánh N.

Về con chung, về tài sản chung và về nợ chung: Không có.

Bị đơn - bà Trương Thị Ánh N trình bày: Quá trình kết hôn và chung sống đúng như những gì ông T trình bày. Bà còn thương chồng, bà không đồng ý ly hôn, xin tòa án cho bà thêm thời gian để bà hàn gắn tình cảm với ông T.

Về con chung, về tài sản chung và về nợ chung: Không có.

Tại Bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 454/2025/HNGĐ-ST ngày 28 tháng 04 năm 2025 của Tòa án nhân dân huyện Củ Chi quyết định:

“... Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn ông Huỳnh Văn T.

Về quan hệ hôn nhân: Ông Huỳnh Văn T được ly hôn với bà Trương Thị Ánh N.

Giấy chứng nhận kết hôn số 140 quyển số 01/2009 ngày 20/7/2009 của Ủy ban nhân dân xã T, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh cấp cho ông T và bà N không còn giá trị pháp lý.

Về con chung: không có.

Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Nghĩa vụ dân sự chung: không có...”

Ngoài ra, Bản án sơ thẩm còn quyết định về án phí và quyền kháng cáo và quyền yêu cầu thi hành án.

Ngày 28/04/2025, bị đơn bà Trương Thị Ánh N kháng cáo không đồng ý ly hôn vì còn yêu thương ông Huỳnh Văn T. Bà yêu cầu Tòa án hàn gắn tình cảm vợ chồng.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Nguyên đơn trình bày: Đề nghị giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Bị đơn trình bày: Bà còn yêu thương chồng, bà muốn được hàn gắn với ông T.

Kiểm sát viên phát biểu:

Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; đương sự thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về thời hạn kháng cáo: Đơn kháng cáo của bà N trong thời hạn luật định.

Về nội dung kháng cáo: Nhận thấy ông T và bà N đăng ký kết hôn theo Giấy chứng nhận kết hôn số 140 quyền số 01/2009 ngày 20/7/2009 của Ủy ban nhân dân xã T, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh, đủ cơ sở xác nhận hôn nhân giữa ông T và bà N là hợp pháp. Trong quá trình chung sống, ông T và bà N thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, tình cảm không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, không thể hàn gắn được tình cảm nên không thể xây dựng gia đình hạnh phúc theo Điều 19 Luật Hôn nhân và gia đình 2014 quy định “Vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu...có nghĩa vụ sống chung...”. Xét yêu cầu ly hôn của ông T là có căn cứ và phù hợp quy định tại Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 nên được chấp nhận.

Về con chung, về tài sản chung và về nợ chung: Không có.

Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự không chấp nhận kháng cáo của bị đơn bà Trương Thị Ánh N, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Đơn kháng cáo của bị đơn bà Trương Thị Ánh N làm trong thời hạn quy định tại Điều 272, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung kháng cáo của bà Trương Thị Ánh N không đồng ý ly hôn:

Theo ông T trình bày lý do ly hôn là vợ chồng mâu thuẫn chủ yếu về kinh tế, do bà N làm đầu thảo hụi, bị vỡ nợ, phải bán nhà để trả nợ, bà N gây ra nợ nần và ghen tuông vô cớ với ông.

Theo bà N trình bày thì do bà bị giứt hụi nên phát sinh nợ nần, ông T đã bán nhà để trả nợ. Ông T là người tốt, luôn thương yêu, giúp đỡ bà, nên bà có lỗi với ông T. Bà đề nghị vợ chồng hàn gắn, đoàn tụ gia đình.

Xét thấy, vợ chồng ông T và bà N vẫn còn tình cảm, quan tâm, chia sẻ, giúp đỡ nhau khi khó khăn; mâu thuẫn vợ chồng chưa đến mức lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được nên cần tạo thêm điều kiện về thời gian để hai vợ chồng hàn gắn tình cảm, đoàn tụ gia đình.

Do đó, chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà Trương Thị Ánh N, sửa bản án sơ thẩm.

[3] Về án phí dân sự phúc thẩm:

Căn cứ vào khoản 2 Điều 148 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; điểm a khoản 5 Điều 27 và khoản 2 Điều 29 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, bà Trương Thị Ánh N phải chịu án phí phúc thẩm 300.000đ (ba trăm nghìn đồng).

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 273, Điều 148, khoản 2 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào các điều 51, 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 và khoản 2 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận kháng cáo của bà Trương Thị Ánh N, sửa bản án sơ thẩm:

Về quan hệ hôn nhân: Không chấp nhận yêu cầu của ông Huỳnh Văn Tyêu cầu ly hôn bà Trương Thị Ánh N.

2. Về án phí:

- Án phí dân sự sơ thẩm: Ông Huỳnh Văn T phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) theo Biên lai thu tạm ứng án phí số 0063726 ngày 28/02/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh. Ông T đã nộp đủ tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm.

- Án phí dân sự phúc thẩm: Bà Trương Thị Ánh N không phải chịu. H lại 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm đã nộp cho bà Trương Thị Ánh N theo Biên lai thu tạm ứng án phí số 0064348 ngày 28/4/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án ; quyền yêu cầu thi hành án; tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được áp dụng theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

4. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- TAND Tối cao;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- VKSND TP.HCM;
- VKS, TA, THA huyện Củ Chi
(nay là khu vực 8);
- UBND xã Phú Hòa Đông, huyện Củ Chi,
TP.HCM (nay là xã Củ Chi, TP.HCM);
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ vụ án (T/20)

Trần Thanh Minh

